

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm học phí cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm 70% học phí học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 cho 26 sinh viên.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, Thanh tra Đào tạo, Giám đốc Phân hiệu Long An, Gia Lai, khoa đào tạo có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: TC-HC, CTCT&HSSV.My

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



★ Cao Anh Tuấn

DANH SÁCH

Sinh viên được giảm 70% học phí học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 3510/QĐ-ĐHSP, ngày 03/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Tên ĐTMG	Mã ĐTMG	Ghi chú
1	48.01.754.105	Lê Thị	Nguyệt	19/07/2004	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
2	48.01.607.020	Thạch Thị	Hiền	01/05/2004	Việt Nam học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
3	48.01.754.025	Chu Thuý	Dung	19/08/2004	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
4	48.01.755.101	Nông Thị Lệ	Thuý	17/08/2004	Ngôn ngữ Nhật	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
5	48.01.756.088	Mó	Phương	11/10/2003	Ngôn ngữ Hàn Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
6	49.01.754.063	Trần	Khện	04/01/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
7	49.01.751.002	Hoàng Yến	Vy	04/02/2005	Ngôn ngữ Anh	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
8	49.01.611.085	Rơ Ông Trần Hoài	Thương	06/10/2005	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
9	49.01.754.034	Nông Thị	Hạnh	04/02/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
10	50.01.904.024	Lò Thị	Mai	27/06/2006	Giáo dục Đặc Biệt	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	NCXH
11	50.01.619.120	Tăng Thị Như	Ý	13/01/2006	Du Lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
12	49.01.755.079	Tô Thị Ý	Như	28/05/2005	Ngôn ngữ Nhật	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
13	50.01.754.200	Lù Tuyết	Trinh	28/06/2006	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
14	50.01.618.013	Son Thị Mỹ	Ngọc	23/07/2006	Giáo dục Công dân	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	NCXH

15	48.01.617.018	K' Thị		Dung	30/07/2004	Giáo dục học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
16	50.01.603.011	Vi Thị		Nhung	15/10/2006	Sư phạm Địa lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	NCXH
17	50.01.603.006	Điều Thị		Liên	25/06/2005	Sư phạm Địa lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	NCXH
18	50.01.611.046	A Thành		Long	12/04/2005	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
19	50.01.611.039	A		Khiết	28/02/2005	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
20	50.01.751.059	Hồ Thanh		Huyền	28/01/2006	Ngôn ngữ Anh	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
21	50.01.611.085	Dư Thị		Tiên	01/04/2006	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
22	47.01.756.086	Hoàng Ánh		Nguyệt	26/11/2003	Ngôn ngữ Hàn Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
23	51.01.611.002	Hoàng Mai		Linh	28/01/2007	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
24	49.01.619.017	Thị		Khiển	10/05/2005	Du lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	
25	50.01.904.030	Lương Thị Kim		Ngân	03/07/2006	Giáo dục Đặc biệt	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	NCXH
26	51.01.619.110	Hoàng Thị Huyền		Diệu	17/09/2007	Du lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06	

Danh sách có 26 sinh viên./



Cao Anh Tuấn